

Số: 5480589

|                                            | New Mazda CX-3 1.5L Premium             | New Mazda CX-3 1.5L Deluxe              |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>619.000.000đ</b>                     | <b>529.000.000đ</b>                     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                         |                                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4275 x 1765 x 1535                      | 4275 x 1765 x 1535                      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                                    | 2570                                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                    | 5300                                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 155                                     | 155                                     |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1210                                    | 1210                                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1660                                    | 1660                                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 350                                     | 350                                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 48                                      | 48                                      |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                       | 5                                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                        | SX-LR trong nước                        |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                         |                                         |
| Loại động cơ                               | Skyactiv-G 1.5L                         | Skyactiv-G 1.5L                         |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1496                                    | 1496                                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 110 / 6000                              | 110 / 6000                              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4000                              | 144 / 4000                              |
| Hộp số                                     | 6AT                                     | 6AT                                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                         | Cầu trước (FWD)                         |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson                      | Độc lập Mc Pherson                      |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                              | Thanh xoắn                              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                     | Đĩa                                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                     | Đĩa                                     |
| Thông số lốp xe                            | 215/50 R18                              | 215/50 R18                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.75                                    | 7.31                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.18                                    | 5.01                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.48                                    | 5.87                                    |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ●                                       | ●                                       |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport                            | Normal/Sport                            |
| Trang bị khác                              | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                         |                                         |
| Cụm đèn trước                              | LED                                     | Halogen                                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                       | -                                       |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                       | -                                       |
| Đèn ban ngày LED                           | LED                                     | Halogen                                 |
| Đèn sương mù                               | LED                                     | LED                                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                                     | Halogen                                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                       | ●                                       |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                       | -                                       |
| Trang bị khác                              | Baga mui                                | -                                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                         |                                         |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                       | ●                                       |
| Chất liệu ghế                              | Da                                      | Nỉ                                      |

|                                                 |                  |                  |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | ●                | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 7"               | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                | Chỉnh cơ         |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 1                | 1                |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa            | 6 loa            |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |                  |
| Số túi khí                                      | 6                | 2                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau              |                  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                |                  |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● (Trước và sau) |                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Cruise control   | Cruise control   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                |                  |
| Camera lùi                                      | ●                | ●                |